TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025

"V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Mai Văn Du

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/TB-TA ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Tiên P; địa chỉ: Tòa nhà TPBank, số 57 phố Lý Thường K, (phường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K cũ), Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tích Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C – Chúc vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân TPBank. Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng gồm các ông (bà): Hồ Thị Thanh N hoặc Trương Thị H hoặc Nguyễn Thúy T hoặc Đinh Văn N hoặc Trần Duy Q hoặc Trần Tấn H- Đều thuộc Đội xử lý nợ 3 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân TPBank; cùng địa chỉ liên hệ: Số 460 Nguyễn Hữu T, phường Cẩm L (phường Khuê Tr, quận Cẩm Lcũ), TP.Đà Nẵng; ông Q có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Lệ Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 164 Nguyễn Công H, tổ 61, phường An K (phường Hòa A, quận Cẩm L cũ), TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2025, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P, ông Trần Duy Quang trình bày:

Ngày 25/02/2023 Ngân hàng TMCP Tiên P (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng hoặc TPBank) với bà Bùi Thị Lệ Q có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng

TPBank kiêm hợp đồng sử dụng thẻ, hạn mức 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ngày 14/6/2023 ký đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm, nâng hạn mức thẻ lên 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tháng 01/2024 bà Bùi Thị Lệ Q thông qua app TPBank Mobile, đã đăng ký nâng hạn mức thẻ lên 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), ngân hàng đồng ý, thời hạn sử dụng thẻ: 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế TPBank Visa hạng Plantium, lãi suất cho vay là 30%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 45%/năm), phí, vay tín chấp, phí phạt chậm trả: 4,4%/số tiền chậm thanh toán (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng) theo Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TPBank - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 23/06/2021 của TPBank và Mục 9.2 (c) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 18/2023/SP-TPB.RB, có hiệu lực ngày 25/02/2023. Phí thường niên: 825,000 đồng/năm theo mục 2 - Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TPBank - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 27/01/2022 của TPBank và Mục 9.2 (a) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 18/2023/SP-TPB.RB, có hiệu lực ngày 25/02/2023). Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại Quyết định số 1404/2022/QĐ-TPB.RB ngày 05/12/2022 của TPBank; Nguyên tắc tính lãi giao dịch: (Căn cứ Mục 9.2 (a, b) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 026/2022/SP-TPB.RB, có hiệu lực ngày 15/08/2022 (*sau đây gọi tắt là*: Bản chấp thuận kèm Biểu lãi).

Ngày sao kê vào ngày 10 hàng tháng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 25 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ. Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ hoặc ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê.

Trong thời gian thực hiện thỏa thuận sử dụng thẻ, từ ngày 16/02/2023 đến ngày 10/11/2024 (ngày sao kê) bà Bùi Thị Lệ Q đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền 1.653.544.740 đồng, bà Q đã trả cho Ngân hàng số tiền 1.542.706.900 đồng; trong đó, trả nợ gốc là 1.538.591.019 đồng, lãi và phí 4.115.881 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank, số hiệu 026/2022/SP-TPB.RB). Từ ngày 30/10/2024 bà Q không đóng tiền cho ngân hàng như cam kết nên phải chịu tiền lãi trong hạn, TPBank đã làm việc, gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Q không hợp tác trả nợ.

Ngày 26/02/2025 TPBank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và ngày 11/3/2025 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, tính đến ngày 24/8/2025 bà Q còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 114.953.721 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.377.208 đồng (từ ngày 30/10/2024 đến ngày 10/3/2025 = 131 ngày), lãi quá hạn là: 26.946.069 đồng, nợ phí thường niên: 825.000 đồng, phí chậm trả: 1.061.295 đồng; tổng số tiền bà Q nợ tạm tính đến 24/8/2025 là 156.163.294đ (một trăm năm mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi bốn đồng). Nhưng tại phiên tòa, đại diện ngân hàng xin rút phần yêu cầu tính tiền phí chậm trả: 1.061.295 đồng và điều chỉnh số tiền lãi quá hạn

xuống còn 23.526.145 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện bà Q, đề nghị Tòa án: Buộc bà Bùi Thị Lệ Q phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/8/2025 là 151.682.074đ (một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó, nợ gốc là 114.953.721 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.377.208 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.526.145 đồng, phí thường niên là 825.000 đồng. Buộc bà Bùi Thị Lệ Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/8/2025 cho đến khi bà Q trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; các văn bản tố tụng khác và Triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng". Bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q có nơi cư trú tại: Số 164 Nguyễn Công Hoan, tổ 61, phường An Khê (phường Hòa An, quận Cẩm Lệ cũ), TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố Tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (Sau đây gọi là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng) thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như các thông báo, triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q, nhưng bà Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện bà Bùi Thị Lệ Q, yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị Lệ Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Tiên P tổng số tiền nợ tạm tính đến tạm tính đến ngày 24/8/2025 là 151.682.074đ (một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó, nợ gốc là 114.953.721 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.377.208 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.526.145 đồng, phí thường niên là 825.000 đồng. Buộc bà Bùi Thị Lệ Q

có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/8/2025 cho đến khi bà Q trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc thì thấy:

Ngày 26/02/2023 Ngân hàng TMCP Tiên P với bà Bùi Thị Lệ Q có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kiêm hợp đồng sử dụng thẻ hạn mức 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngày 14/6/2023 ký đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm, nâng hạn mức thẻ lên 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tháng 01/2024 bà Bùi Thị Lệ Q thông qua app TPBank Mobile, đã đăng ký nâng hạn mức thẻ lên 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế TPBank Visa hạng Plantium, lãi suất cho vay là 30%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 45%/năm), phí, vay tín chấp, phí phạt chậm trả: 4,4%/số tiền chậm thanh toán (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng).

Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBANK số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/8/2022 kèm Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TPBank – Quyết định 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên P (*sau đây gọi tắt là*: Bản chấp thuận kèm Biểu lãi).

Quá trình sử dụng thẻ, bà Q đã thực hiện nhiều lần giao dịch, ngày giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 11/11/2024 với tổng số tiền là 1.653.544.740 đồng, đã trả được cho ngân hàng số tiền 1.542.706.900 đồng, ngày trả cuối cùng là 11/9/2024; trong đó, trả nợ tiền gốc là 1.538.591.019 đồng, lãi và phí: 4.115.881 đồng (phí phạt chậm trả là 252.898 đồng, lãi giao dịch là 3.873.783 đồng, lãi quá hạn là 99.207 đồng). Từ ngày 30/10/2024 bà Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/02/2025 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Q, ngày 11/3/2025 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, ngân hàng khởi kiện bà Q là có căn cứ.

Như vậy, bà Q còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 114.953.721 đồng [1.653.544.740 đồng tiền rút – 1.542.706.900 đồng tiền nộp (trong đó, trả nợ tiền gốc là 1.538.591.019 đồng, phí phạt chậm trả là 252.898 đồng, lãi giao dịch là 3.873.783 đồng, lãi quá hạn là 99.207 đồng)]. Do đó, Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện bà Q đối với số tiền gốc 114.953.721 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi thì thấy:

Ngân hàng TMCP Tiên P yêu cầu Tòa án buộc bà Q phải thanh toán khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 24/8/2025 là 35.903.353 đồng; trong đó, tiền lãi trong hạn là 12.377.208 đồng, lãi quá hạn là 23.526.145 đồng.

- Đối với tiền lãi trong hạn: Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/02/2023; đơn đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm ngày 14/6/2023 nâng hạn mức thẻ

lên 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tháng 01/2024 bà Bùi Thị Lệ Q thông qua app TPBank Mobile, đã đăng ký nâng hạn mức thẻ lên 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng). Căn cứ Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/8/2022, kèm Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TPBank – Quyết định 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên P, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 30%/năm (tương đương 2,5%/tháng). Ngày 30/10/2024 bà Q bắt đầu vi phạm hợp đồng nên phải chịu tiền lãi trong hạn, tính từ ngày vi phạm đến ngày 10/3/2025 là 131 ngày. Như vậy, số tiền lãi trong hạn bà Q phải chịu là 12.377.208 đồng (114.953.721đ x 30% x 131ngày/365 ngày = 12.377.208 đồng).

- Đối với tiền lãi quá hạn: Các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 45%/năm). Từ ngày 26/02/2025 TPBank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và ngày 11/3/2025 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 24/8/2025 là 166 ngày. Như vậy, tiền lãi quá hạn của bà Q phải chịu là 23.526.145 đồng (114.953.721đ x 45% x 166ngày/365 ngày = 23.526.145 đồng). Tổng số tiền lãi bà Q phải trả cho ngân hàng là 35.903.353 đồng.

[2.3] Việc Ngân hàng TMCP Tiên P điều cỉnh số tiền lãi quá hạn từ số tiền 26.946.069 đồng xuống 23.526.145 đồng là sự tự nguyện của ngân hàng, nằm trong phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc điều chỉnh tiền lãi quá hạn của ngân hàng.

[2.4] Đối với phí thường niên: Ngân hàng TMCP Tiên P yêu cầu bà Q trả số tiền 825.000 đồng là đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhân.

[2.5] Đối với số tiền phí chậm trả: Trong bản tự khai Ngân hàng TMCP Tiên P yêu cầu bà Q trả số tiền 1.061.295 đồng, tuy nhiên tại phiên Tòa ngân hàng xin rút yêu cầu này. Đây là sự tự nguyện của ngân hàng không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

Từ những phân tích trên, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bà Q được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Tổng tiền bà Q còn nợ ngân hàng là 151.682.074đ (một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó, nợ gốc là 114.953.721 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.377.208 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.526.145 đồng, phí thường niên là 825.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 114.953.721 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.584.103đ (bảy triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm lẽ ba đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền tạm ứng án phí 3.218.391 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009803 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố Tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q về việc "*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".*

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bị đơn bà Bùi Thị Lệ Q về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền phí chậm trả là 1.061.295 đồng.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Bùi Thị Lệ Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Tiên P tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/8/2025 là: 151.682.074đ (một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó, nợ gốc là 114.953.721 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.377.208 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.526.145 đồng, phí thường niên là 825.000 đồng.

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 25/8/2025 bà Bùi Thị Lệ Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 114.953.721 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị Lệ Q phải chịu 7.584.103đ (bảy triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm lẽ ba đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền tạm ứng án phí 3.218.391 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009803 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 25/8/2025.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Thi Hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thế Anh